TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **96**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 01/7/2022**.**
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Long - Cán bộ hưu.

Bà Nguyễn Thị Bích - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 01/7/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 51/2022/TLST-HNGĐ ngày 30/3/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 55a /2022/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Trọng N1 , sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: thôn HT , xã TM , huyện YD , tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị X1 , sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn HT , xã TM , huyện YD , tỉnh Bắc Giang.

Hiện nay đang đi lao động tại nước ngoài không rõ địa chỉ cụ thể.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Hoàng Trọng N1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị X1 có tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/02/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TM , huyện YD , tỉnh Bắc Giang và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị X1 về nhà anh làm dâu ở chung cùng gia đình nhà chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 anh sang Đài Loan lao động đến tháng 12/2015 chị X1 cũng sang Đài Loan lao động. Tháng 01/2017 anh về Việt Nam còn chị X1 vẫn ở lại Đài Loan lao động nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã nhau. Nay xác định tình cảm không còn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị X1 .

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Trọng Minh Qu1 , sinh ngày 02/11/2011 hiện nay đang ở với anh N1 , ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung không yêu cầu chị X1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị X1 hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị X1 đến nay không nhận được bất cứ văn bản nào của chị X1

* Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua anh trai của chị X1 là anh Nguyễn Khả Đông, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn Tân Mỹ, xã Cảnh Thụy, huyện YD , tỉnh Bắc Giang có quan điểm trình bày như sau:

Anh là anh trai của chị X1 hiện nay chị X1 đang đi lao động tại nước ngoài khoảng 7 năm nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của chị X1 ở nước ngoài thì anh không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án yêu cầu gia đình anh thông báo để chị X1 gửi quan điểm về thì anh không đồng ý vì không thực hiện được. Về việc anh N1 xin ly hôn chị X1 có nói với anh là chị nhất trí ly hôn, Còn con chung là cháu Hoàng Trọng Minh Qu1 , hiện nay đang ở với anh N1 , chị X1 không trao đổi gì với anh nên anh không có ý kiến gì trao đổi với Tòa án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh N1 xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Chị Nguyễn Thị X1 vắng mặt không có lý do và không có quan điểm gì trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý

vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho anh Hoàng Trọng N1 được ly hôn chị Nguyễn Thị X1 .Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Trọng Minh Qu1 , sinh ngày 02/11/2011 cho anh N1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết. Tài sản chung, công nợ: không xem xét giải quyết. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc anh Hoàng Trọng N1 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Hoàng Trọng N1 là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết nuôi con chung đối với đối với chị Nguyễn Thị X1 . Bị đơn chị Nguyễn Thị X1 là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn HT , xã TM , huyện YD , tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 8769/QLXNC-P5 ngày 04/5/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị X1 đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 09/02/2019, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của chị X1 . Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh N1 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị X1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị X1 theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng

dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N1 và chị X1 .

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử thấy: Anh N1 và chị X1 có tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TM , huyện YD , tỉnh Bắc Giang. Xác định quan hệ hôn nhân giữa anh N1 và chị X1 là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Hiện anh Hoàng Trọng N1 và chị X1 mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng anh N1 và chị X1 đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N1 và chị X1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Hoàng Trọng N1 được ly hôn chị Nguyễn Thị X1 .

[4]. Về con chung:

Anh Hoàng Trọng N1 và chị X1 có 01 con chung là cháu Hoàng Trọng Minh Qu1 , sinh ngày 02/11/2011. Sau khi ly hôn anh N1 đề nghị được nuôi con chung không yêu cầu chị X1 cấp dưỡng. HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án chị X1 không có mặt tại gia đình mà đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Do đó chị X1 không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được. Hiện nay con chung đang ở ổn định với anh N1 , cháu Quân cũng có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho anh N1 được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Hoàng Trọng Minh Qu1 , sinh ngày 02/11/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh N1 không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): anh N1 trình bày

không có nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Hoàng Trọng N1 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Trọng N1 được ly hôn chị Nguyễn Thị X1 .

2. Về con chung:

- Giao con chung là cháu Hoàng Trọng Minh Qu1 , sinh ngày 02/11/2011 cho anh Hoàng Trọng N1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: anh Hoàng Trọng N1 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000 359 ngày 30/3/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị X1 hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Hoàng Trọng N1 cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã TM , huyện YD
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hường